TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/DS-PT

Ngày: 05/5/2026.

V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Tồn**

ông **Đinh Phước Hòa**

- ***Thư ký phiên tòa***: ông **Trương Quốc Lập** - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: ông **Lê Văn Thành** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2025/TLPT-DS ngày 09/12/2025 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 859/2026/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Võ Xuân B - sinh ngày 30/10/1981.

Địa chỉ: thôn T, xã B, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Quốc C - sinh ngày 01/01/1974.

Địa chỉ: thôn T, xã B, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1969;

Địa chỉ: A H. UTICA-NY 13501-USA. Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Võ Văn B1 - sinh năm 1979;

Địa chỉ: thôn T, xã B, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Ông Võ Văn M - sinh năm 1990;

Địa chỉ: thôn T, xã B, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Quốc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Xuân B trình bày:*

Cha ông là ông Võ B2 (chết năm 1992), mẹ ông là bà Nguyễn Thị N (chết năm 2020). Mẹ ông sinh ra 06 người con, gồm: ông Trần L (chết năm 1992, không có vợ con), bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Quốc C, ông Võ Văn B1, ông Võ Xuân B và ông Võ Văn M. Ông L, bà H và ông C là con riêng của mẹ ông Võ Xuân B. Cha, mẹ ông chết đều không để lại di chúc. Mẹ ông (bà Nguyễn Thị N) có để lại di sản thừa kế là thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12, diện tích 717 m² (gồm: 200m² đất ở tại nông thôn và 517m² đất trồng cây hàng năm khác) tại xóm A, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là xã B, tỉnh Gia Lai) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 192560, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ: H03569 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19/5/2009 cho hộ bà Nguyễn Thị N. Trên đất có xây dựng ngôi nhà khoảng 200m².

Hiện nay, nhà và đất nêu trên đang do ông Võ Văn M quản lý, sử dụng. Nhà và đất là tài sản của bà Nguyễn Thị N để lại, không liên quan đến ai khác, không có tranh chấp với ai.

Nay, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết việc phân chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất 717m² (gồm: 200m² đất ở tại nông thôn, 517m² đất trồng cây hàng năm khác) đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị N nhà và các tài sản khác gắn liền với thửa đất nêu trên. Phần đất hiện gia đình ông đang sử dụng ký hiệu phần A (theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ được thể hiện qua bản vẽ của Công ty Đ ngày 15/7/2025) là đất của Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Gia Lai quản lý, không phải đất cấp cho gia đình ông nên ông không yêu cầu chia phần đất này. Ông không yêu cầu chia thừa kế đối với các di sản khác do mẹ ông để lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Xuân B bổ sung thêm nội dung khởi kiện: yêu cầu chia tài sản chung là đất trồng cây hàng năm khác trong thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12 nêu trên cho các thành viên được cấp đất trong hộ gia đình. Phần tài sản chung mà ông được chia và kỷ phần thừa kế mà ông được hưởng từ bà Nguyễn Thị N ông tự nguyện tặng cho ông Võ Văn M.

** Bị đơn ông Nguyễn Quốc C trình bày:*

Ông thống nhất với lời khai của ông Võ Xuân B về quan hệ gia đình, nguồn gốc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12, người đang quản lý, sử dụng nhà và đất nêu trên. Tuy nhiên, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Xuân B, khi nào ông Võ Văn M lập gia đình, ông sẽ đồng ý ký tặng cho ông Võ Văn M kỷ phần thừa kế mà ông được hưởng từ bà Nguyễn Thị N.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Bà Nguyễn Thị H trình bày:* bà là con của bà Nguyễn Thị N. Bà N chết

để lại di sản thừa kế là thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12, diện tích 717m² (gồm: 200m² đất ở tại nông thôn, 517m² đất trồng cây hàng năm khác) tại xóm A, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 192560, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ: H03569 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19/5/2009 cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị N. Nhà và đất tại thửa đất nêu trên do ông Võ Văn M ở và thờ cúng ông bà tổ tiên.

Bà yêu cầu được nhận hiện vật đối với kỷ phần thừa kế bà được hưởng từ bà Nguyễn Thị N và tự nguyện tặng cho lại cho ông Võ Văn M. Bà H có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

- *Ông* Võ Văn B1, *ông* Võ Văn M *đồng trình bày:* các ông thống nhất với lời khai của ông Võ Xuân B về quan hệ gia đình, nguồn gốc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12, người đang quản lý, sử dụng nhà và đất nêu trên. Các ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của ông Võ Xuân B. Ngoài ra, ông Võ Văn B1 tự nguyện tặng cho ông Võ Văn M toàn bộ kỷ phần thừa kế mà ông được hưởng từ bà Nguyễn Thị N và phần tài sản chung là quyền sử dụng đất vườn trong thửa đất 105 cho ông Võ Văn M trọn quyền sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 37, 38, 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 209, 212, 219, 649, 650, 651, 658 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016, được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Xuân B về việc yêu cầu Toà án chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12, diện tích 717m² (bao gồm: 200m² đất ở tại nông thôn và 517m² đất trồng cây hàng năm khác) và ngôi nhà cùng các công trình phụ gắn liền trên đất tọa lạc tại xóm A, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là xã B, tỉnh Gia Lai).

2. Xác định 517m² đất trồng cây hàng năm khác trong thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12 là tài sản chung trong hộ gia đình cụ Nguyễn Thị N.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Nghĩa L1 200m² đất ở và 103,4m² đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12 và ngôi nhà cùng các công trình phụ gắn liền trên đất tọa lạc tại xóm A, thôn T, xã

T, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là xã B, tỉnh Gia Lai).

4. Ông Võ Văn M được trọn quyền sử dụng thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12, diện tích 717m² (bao gồm: 200m² đất ở tại nông thôn, 517m² đất trồng cây hàng năm khác) và ngôi nhà cùng các công trình phụ gắn liền trên đất tọa lạc tại xóm A, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là xã B, tỉnh Gia Lai) (đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ H03569 ngày 19/5/2009 cho hộ bà Nguyễn Thị N).

5. Buộc ông Võ Văn M có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị phần tài sản chung trong hộ gia đình và giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Quốc C số tiền 135.700.000đồng (một trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2025, bị đơn ông Nguyễn Quốc C kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xử theo hướng để lại toàn bộ thửa đất số 105 làm di sản thờ cúng, không chia, không giao cho ai quyền sở hữu, định đoạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Võ Xuân B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn ông Nguyễn Quốc C giữ nguyên nội dung kháng cáo.
- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Xuân B về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 105 là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quốc C; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quốc C, Hội đồng xét xử thấy:

[1.1] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12, diện tích 717m² (gồm: 200m² đất ở tại nông thôn, 517m² đất trồng cây hàng năm khác; đo đạc thực tế 729,5m² đất, trong đó có: thửa 106 (mộ) và thửa 107 (mộ) có diện tích 12,9m², còn lại thửa 105, diện tích 716,6m² tương đương 717m²) tọa lạc tại xóm A, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là xã B, tỉnh Gia Lai) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 192560 ngày 19/5/2009, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ: H03569 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định (cũ) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N. Trên đất có xây dựng ngôi nhà cấp 4 và một số công trình phụ.

[1.2] Tại Văn bản số 253/UBND-KT ngày 05/8/2025 và Văn bản số 562/UBND-KT ngày 15/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã B xác nhận: thực hiện cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất theo Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12, diện tích 717m² (ONT: 200m², HNK: 517m²) tại xã B, tỉnh Gia Lai (địa chỉ cũ: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định) tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất năm 2009, hộ bà Nguyễn Thị N có 05 nhân khẩu nông nghiệp được cân đối giao quyền sử dụng đất. Các đương sự đều thống nhất 05 nhân khẩu nông nghiệp gồm: bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Quốc C, ông Võ Văn B1, ông Võ Xuân B và ông Võ Văn M, phù hợp với Sổ hộ khẩu gia đình của bà Nguyễn Thị N do bà Nguyễn Thị N làm chủ hộ. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12, diện tích 717m² được cân đối giao quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ bà Nguyễn Thị N. Trong đó có: 200m² đất ở thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị N và 517m² đất trồng cây hàng năm khác là tài sản chung của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Quốc C, ông Võ Văn B1, ông Võ Xuân B và ông Võ Văn M, mỗi người được cấp 103,4m² (517m² : 5). Như vậy, di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N để lại gồm: 200m² đất ở, 103,4m² đất trồng cây hàng năm khác, ngôi nhà cấp 4 và một số công trình phụ có trên thửa đất.

[1.3] Về hàng thừa kế; công sức bảo quản di sản và phân chia di sản thừa kế: Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N gồm: ông Nguyễn Quốc C, bà Nguyễn Thị H, ông Võ Văn B1, ông Võ Xuân B và ông Võ Văn M là đúng quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị N chết (năm 2020) không để lại di chúc nên di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N để lại được chia đều cho 05 người con của bà N. Theo biên bản định giá ngày 15/7/2025, đất ở có giá 1.500.000đồng/m², thành tiền 300.000.000đồng (200m² x 1.500.000đồng/m²); đất trồng cây hàng năm có giá 500.000đồng/m², thành tiền 51.700.000đồng (103,4m² x 500.000đồng/m²); ngôi nhà và công trình phụ có tổng giá trị 145.366.142đồng. Như vậy, di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N để lại có tổng giá trị 497.066.142đồng.

Ông Võ Văn M sinh sống tại thửa đất số 105 và là người đang quản lý, sử dụng nhà, đất nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức bảo quản di sản cho ông Võ Văn M tương đương giá trị một kỷ phần thừa kế 77.066.142đồng là phù hợp. Như vậy, di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N còn lại có giá trị 420.000.000đồng, chia cho 05 kỷ phần, mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị 84.000.000đồng.

Ông Võ Xuân B và ông Võ Văn B1 đều thống nhất giao cho ông Võ Văn M được trọn quyền sử dụng phần tài sản chung là quyền sử dụng 206,8m² đất trồng cây hàng năm khác của ông B1 và ông B và giao cho ông Võ Văn M nhận kỷ phần thừa kế mà ông B1 và ông B được hưởng từ bà Nguyễn Thị N; bà

Nguyễn Thị H cũng đồng ý cho ông Võ Văn M nhận kỷ phần thừa kế mà bà được hưởng từ bà Nguyễn Thị N. Đây là sự tự nguyện của các bên đương sự và không trái quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự tự nguyện này là đúng. Như vậy, phần tài sản ông Võ Văn M được nhận có tổng giá trị 568.166.142đồng (gồm: kỷ phần thừa kế của ông Võ Văn M và công sức bảo quản di sản; các kỷ phần thừa kế của ông B1, ông C, bà H cho lại và phần tài sản chung là quyền sử dụng đất hàng năm khác của ông B1 và ông B cho). Ông Nguyễn Quốc C được nhận 01 kỷ phần thừa kế trị giá 84.000.000đồng và giá trị 103,4m^2 đất trồng cây hàng năm khác 51.700.000đồng, tổng cộng 135.700.000đồng.

[1.4] Ông Võ Văn M hiện đang quản lý, sử dụng thửa đất 105 cùng ngôi nhà và tài sản trên đất; đồng thời ông Võ Văn M được hưởng phần tài sản chung và kỷ phần thừa kế do ông Võ Xuân B, ông Võ Văn B1 và bà Nguyễn Thị H cho lại. Mặt khác, ông Võ Văn M có nhu cầu nhận nhà, đất để ở và thờ cúng ông bà nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cho ông Võ Văn M được trọn quyền quản lý, sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền trên thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12, diện tích 717m² (gồm: 200m² đất ở tại nông thôn, 517m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại xóm A, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là xã B, tỉnh Gia Lai). Ông Võ Văn M phải có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị tài sản chung và 01 kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Quốc C với số tiền 135.700.000đồng. Xét thấy, diện tích 200m^2 đất ở, 103,4m^2 đất trồng cây hàng năm khác và ngôi nhà cùng công trình phụ là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N để lại. Trước khi chết, bà Nguyễn Thị N không lập di chúc để lại di sản này dùng vào việc thờ cúng nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật. Do đó, nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quốc C không có cơ sở chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Do toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quốc C không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quốc C và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 26/9/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Áp dụng các Điều 209, 212, 219, 649, 650, 651, 658 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016, được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Xuân B về việc yêu cầu Toà án chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12, diện tích 717m² (gồm: 200m² đất ở tại nông thôn và 517m² đất trồng cây hàng năm khác) và ngôi nhà cùng các công trình phụ gắn liền trên đất tọa lạc tại xóm A, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là xã B, tỉnh Gia Lai).

2. Xác định 517m² đất trồng cây hàng năm khác trong thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12 là tài sản chung trong hộ gia đình bà Nguyễn Thị N.

3. Xác định di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N để lại gồm: 200m² đất ở, 103,4m² đất trồng cây hàng năm khác và ngôi nhà cùng các công trình phụ gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xóm A, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là xã B, tỉnh Gia Lai).

4. Giao cho ông Võ Văn M được trọn quyền sử dụng thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12, diện tích 717m² (gồm: 200m² đất ở tại nông thôn, 517m² đất trồng cây hàng năm khác) và ngôi nhà cùng các công trình phụ gắn liền trên đất, tọa lạc tại xóm A, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là xã B, tỉnh Gia Lai) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 192560 ngày 19/5/2009, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ: H03569 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định (cũ) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N (kèm theo trích đo địa chính thửa đất).

Ông Võ Văn M có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được chỉnh lý biến động, cấp Giấy chứng nhận về quyền sở hữu, sử dụng.

5. Buộc ông Võ Văn M phải có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị phần tài sản chung trong hộ gia đình và giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Quốc C với số tiền 135.700.000đồng (một trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí: ông Nguyễn Quốc C phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004395 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

7. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Liên